

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thọ Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thân;

2. Ông Trần Văn Tảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2019/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1994;

Cư trú tại: Tổ 3, ấp T, xã H, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987;

Cư trú tại: Tổ 3, ấp T, xã H, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 02 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống từ năm 2014 đến năm 2018 chị và anh T chung sống không có hạnh phúc, anh T không lo làm ăn, chỉ ham chơi, không quan tâm đến vợ con, chị M đã khuyên can nhiều lần nhưng anh T không nghe. Chị M không thể chịu đựng được tính tình của anh T nên chị đã bỏ về nhà mẹ ruột sống từ tháng 01/2018

đến nay. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 01/2018 đến nay. Nay chị M nhận thấy anh T không lo làm ăn, chỉ ham chơi, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung tên Nguyễn Thị C, sinh ngày 25/8/2015, hiện cháu C đang sống cùng với chị M. Chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu C và chị M tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.*

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Cần giao cháu Nguyễn Thị C, sinh ngày 25/8/2015 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Nguyễn Thị M tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về việc vắng mặt đương sự: Chị Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2014, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng chị M và anh T không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, nay chị Nguyễn Thị M yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung tên Nguyễn Thị C, sinh ngày 25/8/2015, hiện cháu C đang sống với chị M. Chị M yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu C; không yêu cầu anh T **cấp dưỡng nuôi con**. Xét thấy cháu C là con gái và hiện đang sống với chị M, anh T trong thời gian sống ly thân với chị M không có trách nhiệm thăm nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cháu C, do đó cần giao cháu Nguyễn Thị C cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị M đã được Tòa án giải thích theo quy định của pháp luật đối với người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi con thành niên nhưng chị M vẫn không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cần ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị C, sinh ngày 25/8/2015 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Nguyễn Thị M tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Nguyễn Thị M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh Nguyễn Văn T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006150 ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTr-NV-THA, Tòa án tỉnh TN;
- VKS cùng cấp, cấp trên;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện B;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.X.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thọ Cường